

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG, LỚP LỚP NHÀ TRẺ B
TRƯỜNG MN PHƯƠNG HƯNG

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Chủ đề thực hiện	Nội dung – Hoạt động giáo dục
		Bé với mùa hè	
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
MT1	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát, tập kết hợp với các dụng cụ (tập với gậy, với vòng, giải lụa) Làm quen với một số bài tập đồng diễn, Yoga theo từng chủ đề	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các động tác hô hấp, nhóm tay, lưng, bụng, lườn, chân trong giờ thể dục sáng và bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất. - Tuần 1,2 Cho trẻ tập theo nhịp đếm; tuần 3,4,5 tập theo lời bài hát " Mùa hè đến" - Hô hấp: Thổi nơ + Động tác tay: 2 tay đưa ra trước, lên cao. + Động tác bụng: Đứng cúi người về phía trước. + Động tác chân: Nhún chân và bật tại chỗ. - Cho trẻ tập bài đồng diễn " Người tôi yêu tôi thương "
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			

MT2	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy, bật/nhảy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	✓	- Đi bước qua gậy kê cao, Đứng co 1 chân.
MT5	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	✓	- Bò theo đường đích dắc
MT6	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	☆	Đá bóng vào gôn, Ném bóng cao tay 2 m Hoạt động vận động: a, VĐCB : Đá bóng vào gôn, Ném bóng cao tay 2 m b, TC: Mưa to mưa nhỏ (MT6)
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay			
MT7	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.Làm quen với một số bài tập thể dục nhịp điệu, Erobic theo chủ đề và một số bộ môn thể thao:	✓	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, vẫy tay, nhào, nhón nhặt đồ vật, khuấy, đảo. - Tập cài, cởi cúc, cởi khuy - Buộc dây. - Tập khâu, luồn dây. - Múa theo nhạc * HĐH: - Xâu vòng xen kẽ xanh - vàng - trắng * DCNT:

			<ul style="list-style-type: none"> - Chơi với lá mít * CTBC: - Dạy trẻ kỹ năng mặc quần áo (ADPP Montessori) - Ôn kỹ năng mặc áo, cài, cởi cúc áo (ADPP Montessori)
MT8	3.3. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động:	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng cọc bàn gỗ - Chồng, xếp 6-8 khối - Lật mở trang sách. - Tô, vẽ <p>HDH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tô màu ông mặt trời - Tạo hình: Vẽ tia nắng <p>* DCNT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ mưa - Vẽ những ông mặt trời và mây <p>* Chơi ở các góc</p> <p>+ Cho trẻ thực hiện tô vẽ góc kỹ năng</p>
MT9	<i>3.2. Bước đầu trẻ thao tác được một số kỹ năng cài-mở cúc áo, kéo khóa, bấm khuy, gấp xúc hạt</i>	☆	<ul style="list-style-type: none"> - Tập mở kéo khóa ba lô(áo) - Cho trẻ tập luồn dây bằng(con vật, cây , hoa quả, đồ dùng) - Tập cầm thìa xúc <p>HĐC:</p>

			<ul style="list-style-type: none"> + Dạy trẻ kỹ năng mặc quần áo (ADPP Montessori) + Ôn kỹ năng mặc áo, cài, cởi cúc áo (ADPP Montessori) * TC: Lộn cầu vòng * Dạy trẻ kỹ năng mặc quần áo (ADPP Montessori) * Chơi tự chọn
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt			
MT10	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. Biết tên một số món ăn hàng ngày, một số món ăn trong ngày lễ tết, địa phương. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh.	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. * Tổ chức giờ ăn + Bước đầu trẻ làm quen và thực hiện chế độ, giờ giấc ăn cơm ở trường. + Động viên trẻ ăn cơm, ăn các loại thức ăn khác nhau và ăn hết xuất của mình + Luyện một số nề nếp thói quen tốt trong ăn uống (mời cô trước khi ăn, ăn từ tốn, không làm rơi vãi, tự xúc ăn, nhặt thức ăn rơi vãi vào đĩa , ăn không nói chuyện , xin cô cơm, canh) + Nhận biết một số món ăn thực phẩm đặc trưng của địa phương
MT11	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ một giấc trưa ở trường. * Giờ ngủ: Tổ chức giờ ngủ + Rèn cho trẻ có nề nếp khi ngủ và có thói quen ngủ đủ giấc buổi trưa, trẻ có kỹ năng lấy và cất gối trước khi ngủ và sau khi ngủ dậy. Giờ ngủ

MT12	1.3. Luyện một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt.	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn một số thói quen tốt trong vệ sinh cá nhân; tập rửa tay, tập tụt quần và kéo quần khi đi vệ sinh * Hoạt động mọi lúc mọi nơi + Dạy trẻ có thói quen tốt khi vệ sinh cá nhân như: rửa tay, lau mặt + Rèn cho trẻ có thói quen tốt trong ăn uống: ăn chín uống chín và có một số kỹ năng rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn.... - HĐC: + Rèn cho trẻ kỹ năng lau mặt (ADPP Montessori)
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe			
MT13	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	✓	<p>Luyện tập một số kỹ năng tự phục vụ: Tự chùi mũi; Tự cầm cốc uống nước; Tự xúc cơm ăn; nhặt cơm rơi vào đĩa , biết để bát vào rổ ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặc quần áo, đi dép... - Tập cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Rèn luyện một số thói quen, thao tác đơn giản trong việc bảo vệ cơ thể như rửa tay, lau mặt, bảo vệ mắt.. - Chuẩn bị chỗ ngủ. - Vứt rác vào thùng rác
MT14	<i>2.2. Trẻ biết chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; Đi giày dép; Mặc quần áo ấm khi trời lạnh Có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở: vệ sinh răng miệng, chăm sóc và bảo vệ mắt</i>	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận các thói quen: + Đội mũ khi ra nắng. + Đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.

MT15	2.3 Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	✓	<p>- Biết gọi cô khi có nhu cầu vệ sinh, nhu cầu ăn, ngủ và đi vệ sinh đúng nơi quy định</p> <p>Hoạt động mọi lúc mọi nơi</p> <p>+ Dạy và chỉ cho trẻ biết nhà vệ sinh, nơi có thể đi vệ sinh và đi vệ sinh đúng nơi qui định.</p> <p>+ Rèn cho trẻ có kỹ năng giao tiếp và kỹ năng gọi người lớn khi có nhu cầu trong sinh hoạt hàng ngày, gọi cô cho đi uống nước, đi vệ sinh, ăn, ngủ</p>
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			
MT16	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm, đồ chơi không an toàn khi được nhắc nhở. Biết tránh khi có hỏa hoạn, cháy nổ	✓	<p>- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần như: dao, kéo, ổ điện ...</p> <p>+ Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, cống rãnh, ao hồ sông ngòi lan can...</p> <p>+ Không leo trèo lên cửa sổ, ban công, lan can các hành lang. Không đu bám ở các nơi có vật dụng nguy hiểm</p> <p>+ Biết chơi các đồ chơi an toàn khi được chơi trên sân trường</p> <p>+ Xem tranh ảnh, chỉ vào những đồ vật, nơi nguy hiểm</p> <p>* HĐC:</p> <p>+ Dạy trẻ kỹ năng nhận biết và tránh đồ dùng bằng điện</p> <p>+ Cách chơi an toàn với đồ chơi nhỏ, bằng hạt hạt</p>
MT17	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	✓	<p>- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng</p>

			<p>tránh như: Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các đồ sắc nhọn</p> <p>- Biết gọi người khác giúp đỡ khi gặp guy hiểm như: Leo trèo lên cao khi không có người lớn; Khi bị ngã; Bị các vật sắc nhọn làm xây xước và chảy máu, khi có cháy nổ...</p> <p>- Không ra khỏi lớp, ra khỏi khu vực công trường khi không có cô giáo hoặc người thân</p> <p>- Không cho các đồ vật như hạt gạo, đất, nặn, xúc xắc vào trong miệng, mũi, tai... của mình và của bạn</p>
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan			
MT18	1. Trẻ được sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	✓	<p>Hoạt động nhận biết:</p> <p>- Luyện thị giác và thính giác: + Nghe nhận biết âm thanh của một số đồ vật (trống to, trống nhỏ, trống cơm, thanh phách, xúc xô, đàn, kèn, chuông, đồng hồ...), tiếng kêu của một số con vật (chó, mèo, gà vịt) quen thuộc</p> <p>Hoạt động âm nhạc:</p> <p>+ Nghe và tìm âm thanh phát ra ở các vị trí khác nhau</p>
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
MT20	2.2. Trẻ biết vị trí trong không gian so với bản thân trẻ	✓	<p>- Vị trí trong không gian: Trên- dưới</p> <p>* HDH:</p>

			- Nhận biết: Trên- dưới
MT21	2.3. Trẻ nói được tên, đặc điểm của mùa hè	☆	Hoạt động nhận biết: Tên, đặc điểm nổi bật của trang phục, nước uống mùa hè; Một số việc làm để giữ sức khỏe trong mùa hè; Một số hiện tượng thiên nhiên, thời tiết trong mùa hè; Một số hoạt động vui chơi khi đi tắm biển a. Nhận biết: Nắng-Mưa b. TC: Trời nắng trời mưa
MT24	2.6. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh lá cây, xanh dương, hồng, cam, tím, trắng, đen, hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật theo yêu cầu.	✓	- Hình tròn, hình vuông - Màu trắng - màu đen * HĐH: Màu trắng - đen * HĐH: - Nhận biết: Hình tròn, hình vuông (5E) - HĐVDV: Xâu vòng sen kẽ
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
MT29	1.2. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	✓	- Nghe các bài thơ, truyện ngắn, câu đố - Kể lại chuyện được nghe nhiều lần có gợi ý của cô HĐH: Thơ: Đi nắng. Bóng mây - Truyện: Chiếc ô của thỏ trắng, Giọt nước tí xíu
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu			

MT30	2.1. Phát âm rõ tiếng.	✓	<p>Phát âm rõ các tiếng khác nhau</p> <p>* Trò chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu trẻ phát âm các tiếng về đặc điểm của các loại đồ dùng đồ chơi, cô giáo, các bạn ở lớp mình <p>* Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ nói to rõ ràng, đủ nghe trong các hoạt động và sinh hoạt trong ngày ở lớp
MT31	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3–4 tiếng. - Đọc các bài ca dao, đồng dao, hò vè đơn giản. <p>* Đón- trả trẻ - trò chuyện</p> <p>+ Yêu cầu trẻ đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3–4 tiếng mà cô đã dạy.</p> <p>Hoạt động làm quen văn học:</p> <p>Thơ: Bóng mây, đi nắng</p>
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
MT32	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. Nói được một số từ tiếng anh đơn giản	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Xem tranh, hình ảnh, video và gọi tên các sự vật, hoạt động của địa phương trong tranh <p>Nói được một số từ tiếng anh đơn giản</p>
MT35	3.3. Trẻ nói to, đủ nghe và lễ phép.	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời to, rõ ràng, sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. <p>* Trò chuyện mọi lúc mọi nơi</p>

			+ Dạy trẻ nói và trả lời to, rõ ràng trong các hoạt động cùng cô và khi nói chuyện và dùng từ với người lớn phải lễ phép, dạ, vâng ạ
MT36	<i>3.4. Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách, biết xem tranh và gọi tên các nhân vật sự vật, hành động gần gũi trong tranh.</i>	☆	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh * Hoạt động mọi lúc mọi nơi + Rèn trẻ có nề nếp chú ý lắng nghe khi cô đọc hay kể chuyện. + Cho trẻ xem tranh ảnh, gọi tên các nhân vật trong tranh. Chơi ở các góc Chơi ở các góc
MT37	<i>3.5. Trẻ nói tên, hoạt động một số ngày hội, ngày lễ và lễ hội của địa phương.</i>	✓	- Tên một, hoạt động một số ngày hội, ngày lễ: Khai giảng, Trung thu, tết Nguyên đán, tết Thiếu nhi, ngày lễ hội của địa phương qua trò chuyện, tranh ảnh, video, các HĐ ngoại khóa tại trường, thăm quan trải nghiệm.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh			
MT48	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	☆	- Hát và tập vận động đơn giản theo cô, theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các dụng cụ. * Đón – Trả trẻ - Cho trẻ nghe những bài hát trong chủ đề

			<p>Hoạt động âm nhạc:</p> <p>a. Âm nhạc: - NDC: Dạy vận động múa: Mùa hè đến - NDKH: Nghe hát: “Cho tôi đi làm mưa với” b. TC: Mưa to mưa nhỏ.</p> <p>ÂN:Dạy hát: Mùa hè đến, Éch ộp,Cháu vẽ ông mặt trời NDKH:Nghe hát: Nắng sớm,Cho tôi đi làm mưa với,Mưa rơi Dạy vận động múa: Mùa hè đến TCÂN: Dậm chân theo nhạc</p>
MT49	<p>4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn,in, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý, hướng dẫn vàgiúp đỡ của người lớn..</p>	✓	<p>- Tập cầm bút di , tô màu và vẽ nguệch ngoạc, các đường nét khác nhau.</p> <p>- In các hình từ màu nước</p> <p>- Tập chấm hồ, dán</p> <p>- Xếp hình.</p> <p>- Xem tranh ảnh về các chủ đề, tranh truyện.</p> <p>Hoạt động tạo hình:</p>

			Tạo hình: Tô màu ông mặt trời, Vẽ tia nắng, Làm váy tặng bạn
--	--	--	--

Các hoạt động không phục vụ mục tiêu

Ban giám hiệu



Nguyễn Thị Điệp

Giáo viên



Trần Thị Thu Hương